

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH GIA LAI
LẦN THỨ I**

Số 08-NQ/ĐH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Gia Lai, ngày 04 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH GIA LAI
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến hành từ ngày 02 đến ngày 04 tháng 10 năm 2025 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh; dự Đại hội có 449 đại biểu trên tổng số 450 đại biểu được triệu tập. Với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”, sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình, Đại hội đã thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

1. Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình 5 năm 2020 - 2025; bối cảnh, tình hình, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, các trụ cột tăng trưởng và các khâu đột phá giai đoạn 2025 - 2030 đã nêu trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội.

1.1 - Về đánh giá tình hình 5 năm 2020 - 2025

Năm năm qua, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, Đảng bộ, dân và quân 2 tỉnh Gia Lai và Bình Định tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ 2 tỉnh, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và đạt được kết quả khá toàn diện: Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt được kết quả tích cực, nhất là hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan trong hệ thống chính trị; thực hiện thành công chính quyền địa phương 2 cấp. Kinh tế tăng trưởng khá, quy mô kinh tế không ngừng mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ; sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện và đạt mức tăng trưởng cao; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; thu ngân sách cơ bản đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và có tích lũy để chi đầu tư phát triển; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc; các hoạt động giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông, chăm sóc sức khỏe Nhân dân... có nhiều tiến bộ; công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, tạo động lực cho phát triển. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng

được củng cố; an ninh chính trị được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội cơ bản bảo đảm; hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh. Những thành tựu đạt được tạo tiền đề quan trọng để tỉnh phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới.

Đạt được những kết quả trên là nhờ có các chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng; sự ổn định chính trị của đất nước; sự đột phá về thể chế, tư duy lãnh đạo, quản lý; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ, sự giúp đỡ, hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương; những kinh nghiệm, kết quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thành quả trong đầu tư phát triển từ các nhiệm kỳ trước; sự năng động, quyết tâm cao của cấp ủy, chính quyền và sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, dân và quân trong tỉnh.

Bên cạnh những ưu điểm, thành tựu đã đạt được, trên từng lĩnh vực vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm cần sớm có giải pháp khắc phục: Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể một số mặt có lúc chưa đáp ứng yêu cầu. Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa thật sự bền vững và tương xứng với tiềm năng, còn một số chỉ tiêu chưa đạt so với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện, năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Việc thu hút đầu tư vẫn còn khó khăn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội một số nơi, lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác quản lý trên một số lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn còn tồn tại, bất cập. Đời sống dân cư nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa tuy có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn khó khăn. Trật tự, an toàn xã hội có lúc, có nơi diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên chủ yếu là: Việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh chịu những tác động tiêu cực, nguy hiểm, chưa có tiền lệ của đại dịch Covid-19 và những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới. Xuất phát điểm nền kinh tế 2 tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá. Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại. Nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa. Bên cạnh đó là nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, một số cơ quan, tổ chức còn hạn chế; các giải pháp thực hiện và sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có nơi, có lúc chưa đồng bộ, thiếu quyết liệt và thiếu kịp thời. Tinh thần trách nhiệm, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn nhân lực có tay nghề và chất lượng cao còn hạn chế; phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, vùng, địa phương chưa hợp lý.

Từ thực tiễn thực hiện các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ 2 tỉnh, Đại hội thống nhất với những bài học kinh nghiệm được xác định trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp thu, rút kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội.

1.2 - Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, các trụ cột tăng trưởng và các khâu đột phá nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đại hội nhất trí quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, các trụ cột tăng trưởng và các khâu đột phá nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

1.2.1 - Quan điểm phát triển

Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tình phát triển bứt phá, nhanh và bền vững; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về cơ chế, chính sách; khơi thông và giải phóng các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đột phá mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; năng lực quản lý, quản trị phát triển của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.2.2 - Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội; phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý chí, khát vọng vươn lên; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân; xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI); phấn đấu đưa Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Các chỉ tiêu kinh tế: Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) giai đoạn 2025 - 2030 phấn đấu đạt 10 - 10,5%/năm (giá so sánh 2010), trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,8 - 4%, công nghiệp - xây dựng tăng 13,5 - 14,5% (công nghiệp tăng 13,5 - 14,5%, xây dựng tăng 13,5 - 14,5%), dịch vụ tăng 10,5 -

11%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10 - 10,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 6.300 - 6.500 USD. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,5 - 20%; công nghiệp - xây dựng chiếm 36 - 36,5%; dịch vụ chiếm 40 - 41%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,2%. Đến năm 2030, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt trên 41.000 tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 17 tỷ USD. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân giai đoạn 2025 - 2030 đạt 32,2%/GRDP. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế từ 50% trở lên. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP từ 25 - 30%. Đến năm 2030, phân đầu đón 18,5 triệu lượt khách du lịch; trong đó có 1,1 triệu lượt khách quốc tế. Đến năm 2030, có 20 doanh nghiệp/ngìn dân.

c) Các chỉ tiêu xã hội: Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2025 - 2030 của tỉnh tối thiểu bằng mức bình quân chung của cả nước theo mục tiêu thực hiện Chương trình giai đoạn 2025 - 2030 của Trung ương. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75,2%. Tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt ít nhất 80,5%. Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 100% số xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Giảm tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức bình quân chung cả nước. Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động đạt trên 35,6%. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt 98%. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn dưới 16,9%; đến năm 2030, phân đầu đạt 10,5 bác sĩ/vạn dân và 36,4 giường bệnh/vạn dân. Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành trên 11.800 căn.

c) Các chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng trên 46,5%. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch (từ công trình cấp nước tập trung) đạt tối thiểu 67,5%. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 91,3%. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý đạt 80%. Duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế và 98% chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

d) Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng: Hằng năm, có từ 90% tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3% trở lên so với tổng số đảng viên.

1.2.3 - Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a) Tập trung xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp công tác chính trị, tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác dự báo, năng lực cụ thể

hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống “diễn biến hòa bình”. Triển khai và thực hiện nghiêm các quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác dân vận; đẩy mạnh phong trào “Dân vận khéo”; tiếp tục quan tâm, thực hiện hiệu quả, kịp thời công tác dân tộc, công tác tôn giáo trên địa bàn, nắm chắc tình hình Nhân dân, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm những “điểm nóng”, vụ việc phức tạp. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân. Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc Nhân dân tham gia giám sát, phản biện, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ cơ sở.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên. Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngang tầm nhiệm vụ theo cơ cấu tổ chức mới, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kịp thời phát hiện xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Chú trọng đổi mới phương pháp đánh giá và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá, nhận xét cán bộ. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ khoa học, công nghệ, cán bộ là người dân tộc thiểu số đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Thực hiện tốt việc thí điểm một số chủ trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; nắm bắt tình hình, tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát, xác minh việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên theo quy định. Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện các kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của Thanh tra Chính phủ. Đổi mới tư duy, phương pháp, cách thức triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm, từ bị động sang chủ động; tăng cường công tác giám sát thường xuyên ngay từ khi triển khai các nghị quyết, kết luận của Trung ương; chú trọng nâng cao chất lượng công

tác hậu kiểm, theo dõi, đôn đốc thực hiện và khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế, vi phạm sau kết luận kiểm tra, giám sát. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về những chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý sai phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung củng cố, xây dựng các cơ quan tư pháp bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, liêm chính. Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát người đứng đầu thực hiện trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Đổi mới việc ban hành, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết sát với tình hình thực tiễn và có tính khả thi cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng bộ.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân; hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước cho các ngành, địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh; huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, góp sức xây dựng tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp, đời sống của Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

b) Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững; cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; chú trọng thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; đồng thời, thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ tiên tiến. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư hoàn thiện và đồng bộ cơ sở hạ tầng, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển toàn diện sản xuất nông nghiệp gắn với công tác bảo vệ môi trường, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai. Nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu, thu ngân sách; phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Trọng tâm là thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, liên kết, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, nhất là đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông, thủy lợi theo hướng đa mục tiêu. Triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Phát triển văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Phát triển văn hóa, xã hội, gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế. Phát triển văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân, xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào truyền

thống quê hương, khát vọng xây dựng tỉnh Gia Lai giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và phát triển văn hóa. Nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp nhân dân; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, nhất là Internet, mạng xã hội để định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề, nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp học và hình thức đào tạo trong hệ thống giáo dục của tỉnh theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị đồng bộ, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của các cấp học và loại hình đào tạo. Chú trọng phát triển giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, lao động có tay nghề cao, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Tiếp tục nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở, hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu, bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu, chất lượng cao.

Triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội; chú trọng nâng cao đời sống đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phát triển thanh niên; chăm sóc, bảo vệ người già và trẻ em. Tập trung chỉ đạo giảm tỷ lệ hộ nghèo, tình trạng tái nghèo, nhất là tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt các kế hoạch xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân.

d) Tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; tham gia xử lý có hiệu quả các tình huống quốc phòng, an ninh; phòng, chống, khắc phục

hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự.

Tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân trong tinh vững mạnh toàn diện; chủ động nắm chắc địa bàn, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và chủ quyền biên giới. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, an ninh con người, an ninh thông tin, an ninh mạng. Tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tấn công trấn áp kịp thời các loại tội phạm. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra các vụ việc phức tạp, “điểm nóng” về dân tộc, tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại; tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Xác định hội nhập quốc tế là một trong những động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững; chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại. Duy trì và đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác và địa phương, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu và điều kiện của tỉnh; kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

1.2.4 - Các trụ cột tăng trưởng

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo lớn mạnh, trở thành trụ đỡ của nền kinh tế, dựa trên lợi thế về lao động, nông nghiệp và khai thác có hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây, nhất là khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên trục Quốc lộ 19 và cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; tạo đột phá về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; hỗ trợ chuyển đổi xanh; phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng.

- Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm-pa, văn hóa lịch sử, cách mạng; các loại hình nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng.

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững dựa trên lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, có đồi núi thấp để phát triển các vùng chuyên canh lớn (cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi tập trung,...), có biển để phát triển thủy sản công nghệ cao, hình thành các “cứ điểm nông - công nghiệp”, xây dựng mô hình vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Phát triển dịch vụ cảng - logistics bao gồm cảng biển, ga đường sắt, cảng hàng không, cảng cạn dọc theo Quốc lộ 19, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, hình thành các trung tâm logistics từ cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến cảng Quy Nhơn.

- Phát triển đô thị nhanh và bền vững gắn với phát triển thị trường bất động sản công nghiệp, đô thị, bất động sản du lịch, hạ tầng dịch vụ; kinh tế đô thị đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

1.2.5 - Các khâu đột phá

- Đột phá trong xây dựng và hoàn thiện thể chế trên cơ sở triển khai nghiêm túc, hiệu quả và vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo nền tảng, động lực để tỉnh Gia Lai vươn mình trong kỷ nguyên mới. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; chuyển mô hình quản trị từ “quản lý” sang “chính quyền kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp”. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, mạnh; nền công vụ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; coi đây là động lực mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho khoa học, công nghệ. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý; nâng tầm đội ngũ cán bộ, công chức các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cảng - logistics, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số. Ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông kết nối các địa bàn: cao nguyên - trung du - đồng bằng - ven biển; hệ thống thủy lợi (các hồ, kênh mương) bảo đảm nhu cầu nước tưới cho vùng trồng, nhất là vùng trồng cây công nghiệp.

1.3 - Thông qua Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình.

Đại hội giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I căn cứ Nghị quyết Đại hội và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng thời tiếp thu ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh Chương trình hành động, ban hành

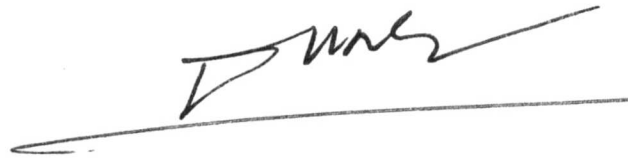
và triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Thống nhất thông qua Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Từ kinh nghiệm của khóa trước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp tục phát huy ưu điểm, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác trong nhiệm kỳ tới.

3. Thống nhất thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến của tổ chức đảng các cấp đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng bộ, dân và quân trong tỉnh phát huy những thành tựu đã đạt được trong nhiệm kỳ qua, tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra, xây dựng tỉnh Gia Lai ngày càng giàu đẹp, văn minh./.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Xác nhận chữ ký của đồng chí Hồ Quốc Dũng

T/L BAN THƯỜNG VỤ

SỞ HÀNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Trung Kiên